NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I – MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA LÍ Ở LỚP 7

1. Mục tiêu

Môn Địa lí ở lớp 7 nhằm giúp học sinh (HS) có được những kiến thức phổ thông cơ bản, cần thiết về các môi trường địa lí, về hoạt động của con người trên Trái Đất và ở các châu lục. Góp phần hình thành cho HS thế giới quan khoa học, giáo dục tư tưởng, tình cảm đúng đắn, giúp HS bước đầu vận dụng những kiến thức địa lí để ứng xử phù hợp với môi trường tự nhiên, xã hội xung quanh, phù hợp với yêu cầu của đất nước và thế giới.

2. Nhiệm vụ

Môn Địa lí ở lớp 7 có các nhiệm vụ sau đây :

a) Về kiến thức

HS cần :

– Nhận biết các yếu tố tạo nên cảnh quan tự nhiên, nhân tạo và tác động qua lại giữa chúng.

– Nhận biết đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế của các châu lục và các khu vực trên thế giới ngày nay, qua đó biết rõ mối tương tác của các yếu tố địa lí với con người trên các lãnh thổ khác nhau. Ghi nhớ một số địa danh của các khu vực này.

b) Về kĩ năng

Rèn luyện cho HS cách quan sát, nhận xét tranh ảnh, hình vẽ, số liệu, để rút ra kiến thức địa lí. Sử dụng tương đối thành thạo bản đồ để nhận biết và trình bày một số hiện tượng, sự vật địa lí trên các lãnh thổ. Tập liên hệ, giải thích một số hiện tượng, sự vật địa lí ở địa phương.

c) Về thái độ, tình cảm

HS cần tích cực tham gia bảo vệ môi trường. Tôn trọng các giá trị kinh tế, văn hoá của nhân dân lao động nước ngoài và trong nước. Sẵn sàng bày tỏ tình cảm trước các sự kiện xảy ra ở các châu lục và thế giới.

II – CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA LÍ Ở LỚP 7

Chương trình Địa lí ở lớp 7 gồm có hai khối kiến thức rõ rệt :

1. Ở khối kiến thức thứ nhất, HS được cung cấp những hiểu biết về thành phần nhân văn của môi trường và các môi trường địa lí trên Trái Đất.

Phần này giúp HS hoàn chỉnh những hiểu biết đại cương về Trái Đất đã được học một phần ở lớp 6 (các thành phần tự nhiên của môi trường).

2. Ở khối kiến thức thứ hai, HS được cung cấp những hiểu biết về thiên nhiên và con người ở các châu lục (trừ châu Á sẽ được học ở lớp 8).

Chương trình gồm có 61 bài (tương ứng 61 tiết học) trong đó có 10 bài thực hành (tương ứng 10 tiết học). Những bài thực hành thường được thực hiện sau khi HS học xong các chương và các châu lục. Ôn tập kiểm tra : 9 tiết.

III – NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ SÁCH GIÁO KHOA (SGK) ĐỊA LÍ LỚP 7

1. Nội dung chương trình

Chương trình Địa lí 7 bắt đầu bằng những thành phần nhân văn. Đó là các vấn đề về dân số (dân số thế giới, nguồn lao động, gia tăng dân số...), về dân cư và về quần cư (nông thôn, đô thị...). Đây là những thành phần nhân văn rất quan trọng để tạo dựng nên môi trường địa lí ngày nay.

Kế đó, chương trình đi sâu vào các môi trường địa lí và hoạt động của con người ở các đới. Ví dụ như môi trường và hoạt động của con người ở đới nóng, môi trường và hoạt động của con người ở đới ôn hoà, môi trường và hoạt động của con người ở đới lạnh, môi trường và hoạt động của con người ở miền núi. Mỗi môi trường gồm các yếu tố tự nhiên độc đáo, phong phú và đa dạng. Các hoạt động của con người được trình bày theo các ngành : nông nghiệp, công nghiệp, các ngành truyền thống và hiện đại. Ở phần này, chúng ta thấy môi trường và con người có sự tác động qua lại với nhau, con người đã sử dụng môi trường ngày càng hợp lí để xây dựng cuộc sống của mình ngày càng tốt đẹp hơn. Tuy nhiên, hiện nay con người đang đối mặt với những khó khăn, đó là thiên tai, ô nhiễm, sự bùng nổ dân số... mà con người đang ra sức hạn chế.

Cuối cùng, chương trình được trình bày theo trình tự từ châu lục đến khu vực. Chẳng hạn, sau khi nêu những nét khái quát của châu Âu, SGK phân tích các khu vực Bắc Âu, Nam Âu, Đông Âu. Trong từng châu lục, khu vực sẽ giới thiệu lần lượt các điều kiện tự nhiên, dân cư – xã hội và kinh tế (nông nghiệp,

công nghiệp, kinh tế đối ngoại...). Châu lục, khu vực chính là nơi con người đã tác động đến thiên nhiên để tiến hành các hoạt động kinh tế thích hợp với môi trường địa lí cụ thể.

Chương trình còn đề cập đến những vấn đề quan trọng và cấp bách của thế giới. Đó là thiên tai, dân số và sự bùng nổ dân số, đô thị hoá, ô nhiễm... Đây là những vấn đề mới và khó nên SGK *Địa lí 7* chỉ cung cấp những hiểu biết cơ bản để học sinh tiếp xúc và bước đầu làm quen với những khái niệm, thuật ngữ... Tuy nhiên, tuỳ theo từng vùng, giáo viên (GV) có thể giảng dạy ở từng mức độ khác nhau để phù hợp với trình độ nhận thức của HS.

SGK *Địa lí 7* không chỉ có kênh chữ mà còn có bản đồ, sơ đồ, hình ảnh địa lí, biểu đồ, lát cắt, lược đồ... Nhờ kênh hình, nên HS có thể khai thác thuận lợi những tri thức địa lí dưới sự tổ chức và hướng dẫn của GV. Về mặt kênh hình, SGK xuất bản lần này đã có những tiến bộ lớn, có thể giúp cho GV giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm và HS có thể rèn luyện kĩ năng địa lí thuận lợi hơn. Kênh hình không chỉ dừng lại ở chức năng minh hoạ mà quan trọng hơn còn là nội dung địa lí để phát huy trí lực cho HS.

SGK *Địa lí 7* đã cố gắng giảm tải, bớt kiến thức hàn lâm, giảm kiến thức dưới dạng chấp nhận, bỏ kiến thức học thuộc lòng, mà tăng kiến thức suy luận và kiến thức tự khám phá, tự tìm tòi bằng nhiều câu hỏi đàm thoại – gợi mở đã được nêu lên trong từng bài học. Các câu hỏi và bài tập ở cuối bài và đặc biệt là các bài tập thực hành, không chỉ giúp cho HS nắm chắc bài học mà còn rèn luyện kĩ năng địa lí, nâng cao khả năng quan sát và suy luận, phát huy tư duy địa lí và liên hệ chặt chẽ với thực tiễn cuộc sống.

2. Cấu trúc bài học trong SGK

Mỗi bài học trong SGK *Địa lí 7* gồm 4 phần sau đây :

a) Phần mở bài : In chữ nghiêng từ 3–5 dòng, là phần dẫn dắt HS vào bài. Có thể coi đó là việc xác định mục tiêu bài học, hoặc là một câu hỏi đặt ra để khêu gợi tính tò mò của HS hay để đặt vấn đề cho HS suy nghĩ...

Đây chỉ là một *gợi ý* để GV dẫn dắt HS vào bài, GV cũng có thể vào bài bằng các tìm tòi riêng của mình.

b) Phần nội dung bài học :

– *Các đề mục :* Thường có từ 2 đến 3 đề mục cho một bài học.

– *Nội dung bài học :* Là phần cơ bản của một bài học, cung cấp cho HS các kiến thức chủ yếu. Đây là cái đích về kiến thức mà GV phải *dẫn dắt* HS đạt

tới. Cũng chính GV sẽ dẫn dắt HS sử dụng kiến thức đã học của mình để lí giải vấn đề và tự thu nhận kiến thức mới của bài học.

– *Các câu hỏi gợi ý tìm hiểu bài học kèm theo hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ, bản đồ...* : Câu hỏi được in chữ nghiêng để phân biệt với phần nội dung. Giữa kênh chữ của câu hỏi và hình kèm theo có sự gắn bó hữu cơ với nhau, *giúp GV sáng tạo phương pháp khai thác kênh hình*, nhằm tổ chức dẫn dắt HS tự tìm kiến thức của bài học. Trình tự giữa nội dung bài học và câu hỏi trong SGK không phải là trình tự dẫn dắt HS đi tìm nội dung kiến thức cơ bản. Trình tự một bài giảng là do GV tự sáng tạo trên cơ sở lựa chọn và xác định các phương pháp giảng dạy sẽ được sử dụng. Câu hỏi cũng không thể hiện hết được những gì cần phải khai thác ở kênh hình, mà chỉ là một trong nhiều gợi ý cho HS mà GV sẽ sử dụng để hướng dẫn các em khai thác các góc độ khác nhau của kênh hình (nhận xét, đánh giá, cho ý kiến riêng của mình,...) nhằm phục vụ cho bài giảng.

Một điểm cần lưu ý đối với GV là tất cả các kênh hình trong một bài, trong một chương, trong toàn bộ phần địa lí đại cương và trong sách Địa lí 7 đều có quan hệ chặt chẽ với nhau và đều được cân nhắc lựa chọn sao cho chúng có thể bổ sung cho nhau nhằm mở rộng tầm nhìn cho HS về thế giới quanh ta. Vì thế, GV cần chú ý khai thác kênh hình của các bài đã học hoặc sẽ học ở những khía cạnh nào đó có thể giúp HS nhanh chóng tìm ra kiến thức cơ bản của bài học.

– *Các thuật ngữ địa lí :* Được xếp theo A, B, C,... đặt ở cuối sách.

Trong phần này chỉ có một vài thuật ngữ *"chìa khoá"* mà nhờ chúng HS có thể nhớ bài học dễ dàng hơn. Vì thế, có nhiều thuật ngữ địa lí không được đề cập đến dù được nêu trong bài. Các thuật ngữ đó sẽ lần lượt được giải thích ở các lớp trên. Mỗi bài có từ 3 đến 4 thuật ngữ. Các thuật ngữ địa lí này không bắt buộc HS phải học thuộc lòng, nhưng các em phải hiểu thật chắc từng thuật ngữ và phân biệt được những thuật ngữ gần giống nhau về nội dung hay về từ ngữ như *dân số* với *dân cư, dân tộc ; băng sơn* với *băng trôi, băng hà,...*

– *Tóm tắt bài học :* Được in trên nền màu. Đây là những nội dung kiến thức cơ bản của bài học mà HS bắt buộc phải nắm được. Cần lưu ý, đây cũng không phải là phần mà HS phải học thuộc lòng sau mỗi bài học.

c) Phần câu hỏi và bài tập : Mỗi bài có từ 2 đến 4 câu hỏi và bài tập. Các câu hỏi và bài tập này đều nhằm :

– Củng cố thêm cho vững chắc một vài kiến thức cơ bản của bài học.

– Rèn luyện các kĩ năng địa lí như : đọc bản đồ, biểu đồ, lập sơ đồ, quan sát hình vẽ, tranh ảnh ; nhận biết hiện tượng địa lí qua tranh ảnh, biểu đồ hay bản đồ...

– Phát huy trí lực HS và tạo phương pháp tự học cho các em.

Chính vì các mục đích này, các câu hỏi, bài tập có thể được GV sử dụng trong quá trình giảng bài, không nhất thiết phải để cuối tiết học mới thực hiện.

Trong các câu hỏi, có loại giải thích như câu hỏi "thế nào" và có loại phân tích như câu hỏi "tại sao". Bài tập vừa để ôn lại bài, vừa để giúp HS rèn luyện kĩ năng.

Đối với các bài tập, ở lớp 7 chỉ yêu cầu rèn kĩ năng cho HS *nhận biết được* hoặc *đọc được*. Chính vì thế mà ở trong cùng một loại kĩ năng như đọc biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa nhưng cách trình bày biểu đồ ở các bài tập lại không giống nhau. Với mục đích rèn kĩ năng để HS tiếp thu kiến thức địa lí ở các lớp trên được thuận lợi và sử dụng trong cuộc sống, mỗi kĩ năng địa lí đều được rèn luyện nhiều lần với các hình thức biểu hiện khác nhau, phù hợp với việc vận dụng vào thực tiễn.

3. Cấu trúc một bài thực hành

Trong chương trình Địa lí 7, có nhiều tiết thực hành nhằm mục đích :

– Kiểm tra việc nắm kiến thức của HS đến đâu để GV bổ khuyết kịp thời trước khi sang chương mới.

– Rèn luyện kĩ năng nhận biết nhanh bằng ảnh, bằng biểu đồ, bản đồ về các hiện tượng địa lí vừa được học. Các bài tập thực hành còn củng cố và nâng cao kĩ năng đọc ngày càng nhanh các biểu đồ, sơ đồ, bản đồ... cho HS, rất cần cho việc học địa lí các châu và địa lí Việt Nam ở các lớp trên.

Vì thế, để HS có thể giải quyết nhanh chóng các bài tập, GV cần kiểm tra các kiến thức, kĩ năng có liên quan trước khi làm bài thực hành.

Các bài tập thực hành, cũng như các bài tập trong từng bài học, đều là những *bài tập mở*. Với một bài tập, tuỳ tình hình và trình độ HS của từng địa phương trong cả nước, GV có thể đặt ra yêu cầu cao hay thấp để nâng dần trình độ tiếp nhận kiến thức và đề ra mức độ rèn luyện kĩ năng địa lí phù hợp với trình độ HS của lớp mình. Mức độ đặt ra cho từng bài tập trong SGK Địa lí 7 chỉ là mức độ yêu cầu trung bình cần đạt đến, chưa phải là mức độ tới hạn cuối cùng. Đặc biệt là trong lĩnh vực phát triển tư duy địa lí cho HS thì các bài tập trong phần này là không giới hạn. Tuy nhiên, GV cũng cần lưu ý : tuy đây

là những *bài tập mở* nhưng chúng ta cũng chỉ dừng lại ở những kĩ năng cần thiết nhằm giúp HS tiếp thu kiến thức địa lí ở các phần sau hoặc ở các lớp trên tốt hơn và ứng dụng vào cuộc sống hằng ngày mà thôi.

IV – NHỮNG PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY ĐỊA LÍ CẦN ĐƯỢC QUAN TÂM Ở LỚP 7

1. SGK *Địa lí 7* được biên soạn theo hướng tạo điều kiện cho GV đổi mới phương pháp dạy học và giúp cho HS tự học tại lớp, tại nhà. Đối với GV, đổi mới phương pháp dạy học là biết sử dụng các phương pháp đặc trưng của môn địa lí phù hợp với các yêu cầu bài giảng, với trình độ tiếp thu của HS, là đổi mới cách đánh giá HS, là biết tổ chức hướng dẫn HS tự tiếp thu kiến thức tại lớp.

SGK *Địa lí 7* đề cập đến những hiện tượng sự vật địa lí quanh ta mà HS được tiếp xúc hàng ngày. Vì thế, các *phương pháp sư phạm tích cực* phải được GV sử dụng trong mọi bài giảng với tư cách là *người hướng dẫn HS tiếp cận tri thức mới* một cách tự giác và hứng thú. Điều đó được thể hiện rõ nhất ở các điểm sau :

– GV huy động được vốn sống, vốn hiểu biết của HS trong suốt bài giảng để từ đó cung cấp kiến thức mới cho HS.

– GV khuyến khích HS mạnh dạn phát biểu các nhận xét, cách nhìn nhận và các quan điểm riêng của mình đối với từng sự vật, hiện tượng địa lí để qua đó rèn luyện óc tư duy và phán đoán địa lí cho HS.

– GV hướng dẫn HS sử dụng kiến thức vừa học để giải các bài tập hoặc ứng dụng vào thực tế cuộc sống hàng ngày. Trong đó, đáng lưu ý là khả năng nhận biết ngay được hiện tượng, sự vật địa lí trên bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh và trên thực địa của HS.

2. Các phương pháp giảng dạy sau đây là những phương pháp cần được quan tâm ở lớp 7 :

a) Phương pháp dạy học nêu vấn đề là phương pháp dạy học đặt ra các vấn đề về nhận thức chứa đựng nhiều mâu thuẫn giữa cái đã biết và cái chưa biết, đưa HS vào tình huống có vấn đề, kích thích các em tự lực chủ động và có nhu cầu giải quyết vấn đề. Phương pháp dạy học này sẽ giúp cho HS có phương pháp nhận thức và lĩnh hội kiến thức mới.

Kiến thức địa lí có thể tạo ra nhiều tình huống có vấn đề. GV phải tìm cách đặt ra các câu hỏi nêu vấn đề để kích thích HS suy nghĩ tìm tòi, giải thích, chứng minh và tự rút ra kết luận cần thiết liên quan đến bài học mới.

b) Phương pháp thảo luận giúp HS tự do trao đổi ý kiến rộng rãi về một vấn đề để cuối cùng đi đến kết luận chung. Phương pháp này đòi hỏi GV phải biết chọn vấn đề thích hợp với trình độ HS, biết tổ chức, hướng dẫn các em thảo luận và đi đến sự nhất trí chung mà không hạn chế phát huy óc suy luận, phán đoán của từng cá nhân. GV có thể cho thảo luận cả lớp, hoặc theo tổ, theo nhóm. Các bước cần được thực hiện như sau :

– GV nêu vấn đề và hướng dẫn HS cách làm việc.

– HS làm việc, GV theo dõi, giúp đỡ khi cần thiết hoặc khêu gợi các vấn đề cần lưu tâm cho HS.

– HS báo cáo kết quả.

– GV bổ sung và kết luận (các kết luận này cũng là kiến thức mới của bài).

c) Phương pháp trao đổi nhóm tại lớp giúp cho từng HS luyện tập khả năng tư duy, khả năng diễn đạt suy nghĩ của mình trước đám đông, khả năng giao tiếp với mọi người, hình thành nên các mối quan hệ xã hội. Trong nhóm nhỏ, các em tự do trao đổi ý kiến của mình, xây dựng ý kiến chung cho cả nhóm, đại diện nhóm trình bày ý kiến trước lớp một cách hứng thú và tự tin hơn.

Cách chia nhóm : mỗi nhóm có từ 2–4 bàn để tiện quay lại trao đổi ý kiến với nhau mà không làm xáo trộn trật tự trong lớp và không mất thời gian.

Các vấn đề trao đổi nhóm : không nên là những câu hỏi vụn vặt, mà là những vấn đề khi đặt ra, HS trong nhóm đều cùng phải suy nghĩ để đóng góp, tìm hiểu bài mới.

Các bước tiến hành trao đổi nhóm tại lớp : thông thường gồm có các bước :

– GV đặt câu hỏi với các yêu cầu rõ ràng, phân công nội dung cần thảo luận cho từng nhóm.

– Từng cá nhân trong nhóm suy nghĩ về câu hỏi được GV phân công cho nhóm mình và chuẩn bị ý kiến đưa ra nhóm (thường khoảng 1–2 phút).

– Cả nhóm họp lại cùng đóng góp xây dựng câu trả lời của cả nhóm và luân phiên cử người thay mặt nhóm trình bày trước lớp.

– Các nhóm trình bày ý kiến của nhóm mình để cùng đi đến một nhận xét chung, một kết luận chung thống nhất của cả lớp.

– GV tóm lược ý kiến của lớp đối với các câu hỏi được đặt ra, đề nghị HS bổ sung thêm nếu có chỗ nào chưa đồng ý và hoàn chỉnh các vấn đề đã được thảo luận.

– Cuối buổi học, GV nhận xét, đánh giá hoạt động và ý kiến đóng góp của từng nhóm, tuyên dương các HS và các nhóm đóng góp nhiều ý kiến hay vào bài học.

d) Phương pháp tham quan các triển lãm về "Đất nước và con người" của nước ta và các nước trên thế giới là cần thiết. Đặc biệt là việc tổ chức cho HS sưu tầm các tranh ảnh, bản đồ của địa phương, của đất nước, của các châu lục để tạo thành những tập hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các bài học của chương trình Địa lí lớp 7. Việc sưu tập tài liệu này vừa rèn cho HS kĩ năng sưu tập và sắp xếp tài liệu theo từng chuyên đề ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, vừa luyện cho các em kĩ năng thuyết trình tài liệu của mình trước đông người một cách tự tin.

3. Đổi mới cách đánh giá HS trước tiên phải là sự đổi mới trong nhận thức của GV về chống học vẹt, về tôn trọng mọi suy nghĩ dù nhỏ của các em, là sự đổi mới trong cách phát huy óc tư duy sáng tạo của tất cả mọi HS trong lớp học. Trước một sự vật, hiện tượng địa lí, có thể có nhiều cách nhìn nhận khác nhau. Với một câu hỏi hoặc bài tập trong SGK, HS có thể có nhiều cách giải khác nhau. Đánh giá đúng những suy nghĩ mới của các em là trân trọng đối với tư duy sáng tạo, là khơi dậy tiềm năng trí tuệ trong từng HS, là vun đắp cho mầm tư duy sáng tạo có mảnh đất tốt để nảy nở, đồng thời cũng để tạo ra hứng thú khoa học trước từng kiến thức của bài mới do các em tự khám phá ra.

Đổi mới cách đánh giá bao gồm :

– Đổi mới về hình thức đánh giá.

– Đổi mới về nội dung đánh giá.

– Đảm bảo tính khách quan trong đánh giá (từ cả thầy và trò).

4. Cuối cùng, để có thể tổ chức, hướng dẫn HS tự tìm hiểu nội dung kiến thức bài mới, SGK *Địa lí 7* đòi hỏi óc sáng tạo và nghệ thuật sư phạm của từng GV.

Trong từng bài học, phần bắt buộc GV phải tôn trọng là nội dung kiến thức trong bài và các kĩ năng thực hành địa lí cần rèn luyện cho HS tại lớp. Tuỳ theo trình độ của HS từng trường, từng địa phương... GV tự chọn cách giảng dạy sao cho phù hợp với khả năng tiếp thu của tất cả mọi HS trong lớp.

V – RÈN LUYỆN KĨ NĂNG ĐỊA LÍ CHO HS LỚP 7

Ở lớp 7, HS được rèn luyện những kĩ năng địa lí cần thiết cho việc học tập, đồng thời cũng chuẩn bị cho việc học Địa lí ở các lớp trên. Đó là các kĩ năng đọc

và khai thác thông tin từ một đoạn văn, một biểu đồ khí hậu, một hình vẽ hay một ảnh địa lí, một bản đồ địa lí, một sơ đồ hay bản đồ về các mối quan hệ... Trong các kĩ năng này, yêu cầu ở lớp 7 đòi hỏi HS phải *nắm chắc được trình tự các bước* qua các bài tập từ thấp lên cao, từ đơn giản đến phức tạp. Mức độ đạt được yêu cầu của từng HS và cả lớp sau một tiết học là thước đo kết quả rèn luyện kĩ năng của từng HS.

1. Cách đọc và khai thác thông tin trong một tháp tuổi

a) Để HS có thể đọc được tháp tuổi, GV cần giới thiệu cho HS biết các nhà khoa học đã thể hiện giới tính và dân số trên tháp tuổi như thế nào.

– Bên trái tháp tuổi thể hiện giới NAM, bên phải tháp tuổi thể hiện giới NỮ.

– Cách thể hiện các độ tuổi của từng giới trên tháp tuổi bằng các thang độ tuổi từ 0 đến 4 tuổi, 5 đến 9 tuổi,... (dựa vào các thang độ tuổi ghi ở giữa tháp tuổi).

– Số dân của từng độ tuổi được tính bằng số người hay % của tổng dân số và được ghi trên các vạch của trục hoành (dựa vào các vạch trị số ghi trên trục hoành), tính từ giữa đi ra hai phía.

b) Đối với HS lớp 7, việc đọc và khai thác thông tin trong một tháp tuổi chỉ dừng lại ở các yêu cầu sau :

– Đọc được tỉ lệ số nam hoặc nữ ở từng độ tuổi trong tổng số dân.

– Nhận biết dạng tháp tuổi dân số trẻ và tháp tuổi dân số già.

– Nhận biết được 3 nhóm tuổi : nhóm dưới độ tuổi lao động, nhóm trên độ tuổi lao động, nhóm trong độ tuổi lao động.

2. Cách đọc và khai thác thông tin trên bản đồ

Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ tương đối chính xác về một khu vực hoặc toàn bộ Trái Đất trên một mặt phẳng.

a) Đọc bản đồ

– Đọc tên bản đồ để biết *nội dung* được thể hiện trong bản đồ là gì ?

– Đọc bản chú giải để biết *cách* người ta thể hiện nội dung đó trên bản đồ như thế nào, bằng các kí hiệu gì, bằng các màu sắc gì ?

– Tìm xem từng kí hiệu, từng màu xuất hiện ở những vị trí nào trong bản đồ.

– Nếu cần thì dùng thước tỉ lệ để đo tính khoảng cách.

b) Phân tích bản đồ

Phân tích bản đồ là tìm ra các mối quan hệ giữa các loại kí hiệu với nhau và với nội dung của bản đồ. Cụ thể :

– Những kí hiệu đó có ở những địa danh nào, khu vực nào trên bản đồ ?

– Tại sao chúng lại có ở đó mà không có ở khu vực khác ?

– Những điều kiện gì làm cho chúng xuất hiện (hoặc không xuất hiện) ở đó hoặc ảnh hưởng, tác động đến chúng ?

c) Hiểu các thông tin trên bản đồ

Từ đọc được bản đồ, phân tích được những nội dung thể hiện trên bản đồ, chúng ta có thể hiểu những thông tin chứa đựng trong một bản đồ :

– Hiện tượng, sự vật địa lí đó phân bố (có) ở những nơi nào trên bản đồ.

– Tại sao chúng lại phân bố ở đó ?

– Những điều kiện gì ảnh hưởng hay tác động đến sự phân bố đó ?

– Có mối quan hệ gì với các sự vật, hiện tượng địa lí khác không ?

3. Cách đọc và lập biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa

a) Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa

Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa thể hiện tình hình khí hậu của một địa phương qua 2 yếu tố : nhiệt độ và lượng mưa trung bình của các tháng trong năm. Biểu đồ gồm có hai trục tung ở 2 bên và một trục hoành. Ở các lớp trên, biểu đồ còn có thêm yếu tố độ ẩm.

Một trục tung có các vạch chia đều về nhiệt độ, tính bằng độ C (^{o}C). Một trục tung có các vạch chia đều về lượng mưa, tính bằng mm.

Trục hoành được chia đều 12 phần, mỗi phần là một tháng và ghi lần lượt ở dưới từ trái sang phải, từ tháng một (1) đến tháng mười hai (12) bằng chữ hay bằng số.

Đường biểu diễn sự biến thiên của nhiệt độ trong năm được vẽ bằng đường cong màu đỏ nối nhiệt độ trung bình các tháng trong năm.

Sự biến thiên của lượng mưa hàng tháng được thể hiện bằng hình cột hoặc đường cong màu xanh nước biển, nối lượng mưa trung bình các tháng trong năm.

Qua chỉ số nhiệt độ và lượng mưa trung bình tháng, chúng ta có thể biết được diễn biến khí hậu ở địa phương đó như thế nào, dựa vào các tiêu chí dưới đây :

Về nhiệt độ : + Trên 20°C là tháng nóng.

+ Từ 10°C – 20°C là tháng mát (hay ấm áp đối với xứ lạnh).

+ Từ 5°C – 10°C là tháng lạnh (hay mát mẻ đối với xứ lạnh).

+ Từ –5°C đến +5°C là tháng rét đậm (hay lạnh ít ở xứ lạnh).

+ Dưới – 5°C là tháng quá rét (hay lạnh ở xứ lạnh).

Về lượng mưa : + Trên 100mm là tháng mưa (trung bình năm 1.200 – 2.500mm).

+ Từ 50 mm đến 100 mm là tháng khô (trung bình năm 600 – 1.200 mm).

+ Từ 25 mm đến 50 mm là tháng hạn (trung bình năm 300 – 600 mm).

+ Dưới 25 mm là tháng kiệt. Chỉ có ở những vùng bán hoang mạc và hoang mạc (trung bình năm dưới 300mm).

b) Cách lập biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa

Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa thể hiện nhiệt độ trung bình tháng và lượng mưa trung bình tháng của các tháng trong năm trên cùng một khung biểu đồ.

Muốn lập một biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa thì trước tiên phải có bảng thống kê số liệu về nhiệt độ và lượng mưa trung bình tất cả các tháng trong năm của địa điểm ta định lập biểu đồ.

Sau đó, sẽ thực hiện lần lượt các bước theo trình tự sau đây :

– Vẽ một khung biểu đồ gồm hai trục tung và một trục hoành vuông góc với nhau.

– Trên trục hoành chia đều 12 khoảng cách và ghi lần lượt từ tháng 1 đến tháng 12.

– Trên các trục tung chia đều các khoảng cách bằng nhau. Ở một trục tung, ghi các trị số nhiệt độ °C với khoảng cách đều 5°C hay 10°C... Ở trục tung bên kia, ghi các trị số lượng mưa mm với khoảng cách đều 50 mm hay 100 mm...

– Căn cứ số liệu khí hậu địa phương, vẽ đường nhiệt độ và các cột mưa lần lượt theo các tháng trong năm.

– Cuối cùng ghi tên địa điểm và vĩ độ vào góc phía trên bên trái của biểu đồ. Thí dụ : Hà Nội (21°01'B).

c) Cách đọc biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa

Đọc biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa trước tiên là đọc lần lượt đường cong biểu diễn nhiệt độ trong năm và các cột mưa thể hiện sự phân bố lượng mưa trong một năm của một địa điểm để thu nhận các thông tin về khí hậu ở nơi đó.

Bước 1 : Đọc biểu đồ nhiệt độ là khai thác các thông tin dưới đây :

– Nhiệt độ tháng nóng nhất và tháng lạnh nhất là bao nhiêu ?

– Tháng nóng nhất là tháng nào ? Tháng lạnh nhất là tháng nào ? Tuyết rơi vào tháng nào hay tháng nào có nhiệt độ dưới $0^{o}C$?

– Chênh lệch nhiệt độ giữa tháng nóng nhất và tháng lạnh nhất (biên độ nhiệt trong năm) là bao nhiêu ?

Các thông tin trên giúp cho chúng ta biết được đặc điểm của chế độ nhiệt ở địa phương thuộc kiểu khí hậu nào.

Trong trường hợp sự phân chia các vạch nhiệt độ và lượng mưa theo công thức $1^{o}C = 2mm$ (hay T = 2P) thì có thể biết được tháng nào là tháng khô hạn trong năm, như biểu đồ khí hậu B của bài thực hành 18.

Bước 2 : Đọc biểu đồ lượng mưa là khai thác các thông tin sau :

– Mưa nhiều nhất vào tháng nào, mưa ít nhất vào tháng nào ?

– Các tháng có mưa nhiều vào mùa nào, các tháng có mưa ít hay không mưa vào mùa nào ?

– Sự phân bố mưa trong năm như thế nào : mưa đều quanh năm hay mưa tập trung vào một số tháng trong năm... ?

– Tổng lượng mưa trong cả năm là bao nhiêu ?

– Tổng lượng mưa của những tháng mưa nhiều chiếm bao nhiêu phần trăm tổng lượng mưa cả năm ?

Các thông tin trên về tổng lượng mưa và về sự phân bố mưa trong năm giúp biết được đặc điểm của chế độ mưa của địa phương thuộc kiểu khí hậu nào. Thí dụ : mưa vào thu đông là đặc điểm của khí hậu địa trung hải.

Bước 3 : So sánh và phân tích biểu đồ nhiệt độ và biểu đồ mưa để tìm ra tính chất khí hậu của địa phương.

Việc so sánh các đặc điểm của biểu đồ nhiệt với biểu đồ mưa của một địa phương là hết sức quan trọng, vì chỉ khi nào cả 2 biểu đồ này cùng thể hiện

đúng các đặc trưng của một kiểu khí hậu nào đó, chúng ta mới có thể biết được địa phương đó thuộc kiểu khí hậu gì. Chẳng hạn như trong bài tập 4 của bài "Môi trường nhiệt đới", 2 biểu đồ khí hậu A và B đều có chung đặc điểm về chế độ nhiệt ẩm của khí hậu nhiệt đới nhưng mùa lại trái ngược nhau. Chỉ có so sánh và phân tích, ta mới biết được cả hai đều có khí hậu nhiệt đới nhưng lại ở hai bán cầu khác nhau.

4. Cách quan sát ảnh địa lí

a) Bố cục của một bức ảnh địa lí

Bất cứ một bức ảnh chụp nào (trong đó có ảnh địa lí) đều có bố cục theo 3 cảnh dưới đây :

– **Chủ đề :** là người, vật thể hay cảnh trí mà bức ảnh có ý chụp. Chủ đề nằm ở phần trung tâm của bức ảnh.

– **Tiền cảnh :** là những vật thể nằm ở phía trước chủ đề, ở gần ta nhất và nằm ở phần bên dưới của bức ảnh. Tiền cảnh có tác dụng tạo ấn tượng cho chủ đề.

– **Hậu cảnh :** là những vật thể, cảnh trí nằm ở phía sau chủ đề, ở xa chúng ta nhất và ở phần bên trên của bức ảnh. Hậu cảnh được dùng làm nền cho chủ đề.

Một bức ảnh không nhất thiết phải có bố cục đủ 3 cảnh, nhưng tối thiểu phải có 2 cảnh (chủ đề và hậu cảnh) mới thể hiện được không gian ba chiều của bức ảnh. Muốn đọc được một bức ảnh địa lí, thì trước tiên HS phải biết phân tích bố cục của bức ảnh. Trong bài tập 2 của Bài 15 "Hoạt động công nghiệp ở đới ôn hoà" có ảnh chụp cảng Đui-xbua và sơ đồ phân tích bố cục ảnh. Ở sơ đồ này, bờ sông và dòng sông gần ta là *tiền cảnh*, cảnh Đui-xbua ở phần trung tâm ảnh là *chủ đề*, đồng ruộng và khu dân cư ở phía xa là *hậu cảnh*.

Đối với HS chưa quen phân tích bố cục ảnh địa lí bằng quan sát, các em có thể dùng giấy trong đặt lên trên bức ảnh. Sau đó, các em dùng bút tô theo các đường viền của các vật thể, cảnh trí ở gần và xa ta. Bằng cách này, các em sẽ nhận biết đâu là *chủ đề* của ảnh.

b) Kĩ năng phân tích ảnh địa lí

Giống như việc phân tích các sự vật, hiện tượng địa lí, việc phân tích ảnh địa lí phải lần lượt giải đáp 4 câu hỏi dưới đây :

– Ảnh chụp cái gì ? (chủ đề ảnh)

– Ảnh chụp ở đâu ?

– Có những gì trong ảnh ? ...

Vì thế, khi luyện tập kĩ năng đọc và phân tích ảnh địa lí, GV nên dẫn dắt các em lần lượt thực hiện trình tự 4 bước sau :

Bước 1 : Xác định ảnh chụp cái gì ?

Một bức ảnh địa lí có thể được chụp gần, được chụp từ xa, từ trên máy bay hay trên vệ tinh... Tuỳ theo góc chụp của ảnh, hiện tượng, sự vật địa lí sẽ không giống nhau, đôi khi khó nhận ra được ngay, nhất là ảnh chụp từ trên cao. Vì thế, xác định được chủ đề bức ảnh là rất cần thiết.

Bước 2 : Xác định ảnh chụp ở đâu ?

HS phải xác định được ảnh này được chụp ở nơi nào trên Trái Đất, được chụp từ hướng nào (Đông – Tây – Nam – Bắc), được chụp vào lúc nào (sáng, trưa, chiều, tối hay Xuân, Hạ, Thu, Đông), được chụp vào giai đoạn nào của quá trình phát triển của sự vật, hiện tượng địa lí (thí dụ : vào lúc đóng băng hay tan băng, vào lúc đang bào mòn hay bồi tụ...).

Bước 3 : Mô tả chính xác, đúng theo trình tự các sự vật, hiện tượng địa lí được thể hiện trong bức ảnh địa lí.

– Việc mô tả phải theo trình tự bố cục ảnh, nghĩa là phải đi lần lượt từ tiền cảnh, đến chủ đề rồi hậu cảnh.

– Trong mỗi cảnh, HS phải mô tả trước tiên các sự vật, hiện tượng địa lí quan trọng nổi bật. Những cái còn lại sẽ mô tả sau.

– Mô tả các sự vật, hiện tượng địa lí trong ảnh lần lượt theo thứ tự các yếu tố tự nhiên trước, các yếu tố có sự tác động của con người sau, như trong các bài học địa lí : bầu trời, địa hình, khí hậu, sông ngòi, thực vật, động vật, đất đai, trồng trọt, chăn nuôi, đường sá, nhà cửa, các hoạt động của con người,...

– Dùng các thuật ngữ địa lí đã học để mô tả sự vật, hiện tượng địa lí trong ảnh.

Bước 4 : Tìm cách giải thích các hiện tượng, sự vật địa lí trong ảnh.

Đây là bước quan trọng nhất nhưng không phải ảnh địa lí nào cũng có thể nhìn vào là giải thích được ngay một cách dễ dàng. Đối với những ảnh địa lí khó như thế, GV nên hướng dẫn HS đặt ra nhiều giả thuyết rồi dùng các kiến thức đã học, xem bản đồ và các loại biểu đồ, đọc các tư liệu địa lí... để loại dần các giả thuyết sai, lựa chọn giả thuyết đúng.

Ở bước này, HS phải giải thích được 2 vấn đề :

– Tại sao vị trí của sự vật, hiện tượng địa lí lại ở đó mà không ở chỗ khác ?

– Những vấn đề mà sự vật, hiện tượng địa lí đó đặt ra cho con người là gì ?

5. Cách sử dụng sơ đồ các mối liên hệ

a) Sơ đồ các mối quan hệ là một loại sơ đồ tổng hợp, giúp ta có thể kiến lập được tất cả các mối quan hệ giữa một sự vật, hiện tượng địa lí với môi trường xung quanh hoặc với các sự vật, hiện tượng địa lí khác có liên quan. Sơ đồ này giúp ta dễ dàng nhận biết được trong một hiện tượng nào đó (về tự nhiên hay xã hội) có bao nhiêu thành phần tham gia và thành phần nào là quan trọng nhất, có tác dụng chi phối các thành phần khác. Trong nhà trường, sơ đồ này còn giúp cho HS tóm tắt hoặc hệ thống hoá bài học, có khi cả một chương chỉ bằng một sơ đồ.

Sơ đồ các mối quan hệ thường có 2 phần :

– *Những thành phần có quan hệ* với nhau như yếu tố địa lí, sự vật địa lí, hiện tượng địa lí... thường *được đóng khung*. Các thành phần có cùng mức độ quan hệ được xếp ngang hàng với nhau. Một sơ đồ có thể có nhiều hàng.

– *Những mũi tên* nối thành phần này với một hoặc nhiều thành phần khác trên sơ đồ, cho biết thành phần nào có vai trò tác động ảnh hưởng đến các thành phần khác. Có 2 loại mũi tên : *mũi tên liên tục* được vẽ khi có mối quan hệ trực tiếp, còn *mũi tên không liên tục* được vẽ khi mối quan hệ là gián tiếp hoặc lỏng lẻo.

b) Cách xây dựng và đọc sơ đồ các mối quan hệ

Việc xây dựng sơ đồ các mối quan hệ thường được tiến hành qua các bước sau đây :

– Xác định tên của sơ đồ.

– Đọc bài học hoặc tài liệu để tìm những thông tin, những mối quan hệ có liên quan đến nội dung của tên sơ đồ.

– Lựa chọn các thành phần có quan hệ cần phải đưa lên sơ đồ.

– Xác định vị trí của từng thành phần trên sơ đồ dự kiến sẽ phác hoạ.

– Đặt các thành phần lựa chọn vào đúng các khung dự kiến.

– Xác định vai trò tác động của từng thành phần đối với các thành phần khác trên sơ đồ để xếp cùng hàng với nhau.

– Lần lượt vẽ các mũi tên chỉ tác động trực tiếp (mũi tên liên tục) hay gián tiếp (mũi tên không liên tục). Trong trường hợp các thành phần có tác động qua lại lẫn nhau thì mũi tên sẽ có 2 chiều.

– Kiểm tra lại các mối quan hệ trên sơ đồ đã đúng hay chưa để điều chỉnh.

Việc đọc sơ đồ đơn giản hơn nhiều vì chỉ cần đọc mũi tên thành "tác động đến", "ảnh hưởng đến", "kéo theo", "đưa đến",... tuỳ theo nội dung của sơ đồ.

Thí dụ :

Có thể đọc là : thành phần A "tác động" đến thành phần B.

Điều khó nhất đối với việc đọc một sơ đồ các mối quan hệ không phải là ở chỗ đọc được hay không đọc được mà ở chỗ phải rút ra được kết luận : thành phần nào quan trọng nhất hoặc nhạy cảm nhất, chi phối các thành phần khác trong sơ đồ. Chỉ cần thành phần đó có thay đổi hay biến đổi thì lập tức các thành phần khác đều thay đổi hay biến đổi theo.

6. Cách sử dụng biểu đồ các mối quan hệ

a) Biểu đồ các mối quan hệ là biểu đồ thể hiện mối quan hệ của nhiều sự vật, hiện tượng địa lí thuộc cùng một loại. Đây là một loại biểu đồ được sử dụng nhiều trong kinh tế nhằm thể hiện sự tăng trưởng hoặc tốc độ tăng trưởng cùng lúc của nhiều hiện tượng kinh tế, sản phẩm... khác nhau.

Các biểu đồ nếu thể hiện một quá trình phát triển riêng lẻ của một sự vật, hiện tượng địa lí thì tưởng như chúng chẳng có quan hệ gì với nhau nhưng khi nhiều sự vật, hiện tượng địa lí cùng được thể hiện chung trong một biểu đồ, ta sẽ thấy rõ chúng có tác động chi phối, ảnh hưởng rõ rệt đến sự tăng trưởng, sự phát triển... của nhau.

Biểu đồ các mối quan hệ có hai trục :

– Trục tung thể hiện số lượng hoặc tỉ lệ % của sự vật, hiện tượng địa lí. Chỉ số ở gốc trục tung không nhất thiết phải là 0 hoặc 100%.

– Trục hoành thể hiện giai đoạn diễn ra các sự vật, hiện tượng địa lí, từ thời gian bắt đầu đến thời gian kết thúc.

b) Cách đọc biểu đồ các mối quan hệ

GV cần luyện tập cho HS thói quen đọc biểu đồ các mối quan hệ theo 3 bước sau đây :

Bước 1 : Đọc lần lượt sự tăng, giảm của từng sự vật, hiện tượng thể hiện trên các biểu đồ theo thứ tự từng năm (được ghi trên trục hoành) hoặc theo từng giai đoạn tăng giảm thể hiện trên đường biểu diễn của biểu đồ.

Thí dụ như trong biểu đồ 10.1 về gia tăng dân số tự nhiên của châu Phi, HS có thể đọc : từ 1975 đến 1982 dân số châu Phi đã tăng 115% (hay 0,15 lần) và tăng nhanh nhất từ 1981 đến 1990 từ 115% lên 156% (hay 0,4 lần).

Bước 2 : Sau khi đã đọc hết các biểu đồ, HS so sánh tốc độ (%) hoặc số lượng tăng giảm giữa các biểu đồ với nhau, để thấy sự vật, hiện tượng tăng, giảm như thế nào trong mối tương quan với nhau. Thí dụ : Sản lượng lương thực châu Phi tăng không nhanh bằng dân số.

Bước 3 : Từ việc so sánh tốc độ tăng giảm qua từng năm hoặc từng giai đoạn giữa các sự vật, hiện tượng địa lí, HS rút ra những nhận xét về mối tương quan, mối liên hệ,... giữa các biểu đồ để thấy các hiện tượng, sự vật địa lí cùng diễn ra như thế nào ? Sự vật, hiện tượng nào chi phối hoặc tác động làm tăng hoặc giảm tốc độ phát triển, gia tăng của sự vật, hiện tượng khác. Thí dụ : Bình quân lương thực đầu người ở châu Phi giảm là do dân số tăng nhanh hơn sản lượng lương thực.

7. Cách sử dụng bản đồ thể hiện các mối quan hệ

a) Bản đồ thể hiện các mối quan hệ là bản đồ thể hiện các mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng địa lí cùng một loại đang diễn ra trên Trái Đất vào một thời điểm nhất định. Thí dụ : bản đồ các luồng di dân đến châu Âu ngày nay hoặc đến Bắc Mĩ (từ thời tiền sử), bản đồ ngoại thương của Liên minh châu Âu,... Các sự vật, hiện tượng địa lí này có thể về tự nhiên, về nhân văn, xã hội hoặc kinh tế...

Bản đồ thể hiện các mối quan hệ có thể là bản đồ một quận – huyện, một tỉnh – thành phố, một nước, một khu vực hay toàn thế giới. Trên bản đồ các mối quan hệ, các mũi tên và các ranh giới, địa giới hay biên giới... của một nước, một khu vực thường được thể hiện nổi rõ nhất, còn các yếu tố khác được thể hiện bằng nền chất lượng hoặc bằng các gam màu nhạt nhằm làm nổi bật các mối quan hệ trong bản đồ.

Cũng như trên sơ đồ các mối quan hệ, mũi tên cũng được dùng để chỉ các mối quan hệ. Nhưng khác với sơ đồ, các mũi tên chỉ mối quan hệ trong bản đồ được thể hiện khác nhau giữa các thành phần có mối quan hệ với nhau. Các mũi tên thường được biểu hiện bằng 1 trong 3 dạng dưới đây :

– *Độ to nhỏ* khác nhau của các mũi tên.

– *Màu sắc* khác nhau của các mũi tên.

– Phối hợp cả hai dạng trên.

b) Cách đọc bản đồ

Để đọc được bản đồ các mối quan hệ ở lớp 7, GV cần luyện cho HS có thói quen thực hiện tuần tự các bước sau đây :

Bước 1 : Đọc tên của bản đồ ghi bên trên hoặc bên dưới bản đồ để biết chủ đề của bản đồ là gì ?

Bước 2 : Đọc bản chú giải của bản đồ để biết ý nghĩa của từng loại mũi tên được thể hiện trên bản đồ. Số loại mũi tên khác nhau trên bản đồ phải bằng số mũi tên ghi trong bản chú giải của bản đồ. Nếu không đủ, có nghĩa là mũi tên không ghi trong bảng chú thích không nằm trong các mối quan hệ cần phân tích.

Bước 3 : Xác định hướng của từng mũi tên đi từ đâu đến đâu để xác lập từng mối quan hệ được thể hiện trên bản đồ. Có bao nhiêu loại mũi tên là có bấy nhiêu mối quan hệ. Có mũi tên xuất phát từ nhiều địa điểm nhưng lại hội tụ thành một mũi tên để đến một địa điểm. Có mũi tên xuất phát từ một địa điểm rồi chia thành nhiều mũi tên đến nhiều địa điểm khác nhau trên bản đồ. Đó là các mũi tên chỉ mối quan hệ đa phương. Trong trường hợp có quan hệ qua lại, mũi tên có hai chiều.

Cách đọc mũi tên trong bản đồ như sau :

– Hoặc : (yếu tố) xuất phát từ (A) đến (B) hoặc từ (A) đến (B, C, D,...),...

– Hoặc : (yếu tố) được trao đổi giữa (A) và (B),...

– Hoặc : (yếu tố A) có quan hệ với (yếu tố B),... tuỳ theo nội dung thể hiện của bản đồ.

Bước 4 : Tổng hợp các mối quan hệ giữa các mũi tên cùng loại để rút ra những nhận xét chung về các mối quan hệ của từng loại sự vật, hiện tượng địa lí với nhau.

Thí dụ : Đối với bản đồ trao đổi kinh tế, các mũi tên thể hiện từng loại hàng hoá được trao đổi từ nơi này đến nơi kia, hoặc hàng hoá được xuất đi nước nào, khu vực nào, nhập từ nước nào, khu vực nào trên thế giới.

Bước 5 : Tổng hợp tất cả các mối quan hệ được thể hiện trên bản đồ để làm bảng tổng hợp về các mối quan hệ.

Thí dụ : Nếu là bản đồ trao đổi kinh tế, HS sẽ lên được bảng tổng hợp dưới đây :

Hàng xuất	Loại hàng hoá	Xuất đến
	– – –	
Hàng nhập	Loại hàng hoá	Nhập từ
	– – –	

Tuỳ theo nội dung của bản đồ, bảng tổng hợp sẽ có nội dung tương ứng nhưng cách trình bày bảng tổng hợp cũng tương tự như bảng trên.

Thường thì ở bước 5, HS chỉ cần rút ra nhận xét tổng quát về các mối quan hệ trên bản đồ. Còn việc lập thành bảng tổng hợp chỉ được GV sử dụng trên lớp khi tổng hợp các ý kiến đóng góp, phân tích... nhằm giúp HS có thể hình dung rõ vấn đề cần trình bày.

Bản đồ các mối quan hệ chỉ được sử dụng vào học kì II và ở dạng các mối quan hệ đơn giản. Lên các lớp trên, các mối quan hệ sẽ ngày càng phức tạp. Ở lớp 7, GV chủ yếu luyện cho HS về các bước trong kĩ năng đọc bản đồ các mối quan hệ để sử dụng thành thục ở các lớp trên.

VI – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý KHI SOẠN GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 7

SGK *Địa lí 7* được biên soạn theo tinh thần cải tiến :

– Giảm tính lí thuyết kinh viện, tăng tính thực hành, gắn với đời sống.

– Giảm thời lượng dạy học trên lớp.

– Cải tiến SGK cho phù hợp tâm lí nhận thức của HS Trung học cơ sở :

+ Giảm lí luận trìu tượng, tăng ví dụ minh hoạ.

+ Giảm chữ, tăng hình vẽ, tranh ảnh, bảng biểu.

+ Thể hiện rõ phương pháp giảng dạy khi trình bày nội dung kiến thức.

Vì thế, khi soạn giáo án Địa lí 7, GV cần lưu ý các điểm sau đây :

1. Trước khi soạn giáo án

Đầu tiên GV nên nghiên cứu tất cả các tranh ảnh, biểu đồ, bản đồ, hình vẽ... trong SGK để tìm hiểu cách thể hiện nội dung bài qua kênh hình và qua đó hiểu được những phương pháp dạy học sẽ được áp dụng cụ thể vào từng mục của bài.

Chỉ sau khi tìm hiểu được các nội dung và phương pháp dạy học từ kênh hình, GV mới đọc đến kênh chữ để nắm các kiến thức căn bản, định hướng chỗ nào phải giải thích, chỗ nào phải bổ sung, mở rộng hay nâng cao, chỗ nào phải khắc sâu kiến thức, chỗ nào phải rèn luyện kĩ năng, chỗ nào phải cho HS vận dụng hay ứng dụng vào đời sống, chỗ nào giáo dục tư tưởng và nhân cách cho HS,...

2. Trong khi soạn giáo án

a) Để giúp HS có thể tự tìm hiểu kiến thức của bài dưới sự hướng dẫn của GV được thuận lợi thì việc GV liên hệ giữa kiến thức của các bài học trước với bài học sau, giữa các kiến thức của đề mục trước với đề mục sau, với các bài tập... đóng một vai trò hết sức quan trọng. Vì thế, khi soạn giáo án, GV nên dành thời gian cho việc biên soạn phần giới thiệu bài (dẫn dắt từ kiến thức cũ đến bài mới) và các phần chuyển ý từ đoạn này đến đoạn khác trong một đề mục hay từ đề mục này đến đề mục khác trong một bài.

b) Trong từng bước đi nhằm hướng dẫn HS tiếp cận với kiến thức mới, GV cần dự phòng các tình huống có thể xảy ra đối với từng câu hỏi, để từ đó :

- Cân nhắc và soạn lại câu hỏi dẫn dắt sao cho HS chỉ có thể trả lời vào đúng ý định của GV.

- Chuẩn bị nhiều phương án dẫn dắt để thay đổi kịp thời khi xảy ra tình huống HS không trả lời được.

Trong trường hợp vì đặc điểm tâm sinh lí và trình độ nhận thức mà HS địa phương gặp khó khăn khi tiếp thu bài mới, GV có thể cấu trúc lại các đề mục trong bài sao cho HS dễ nhận biết được kiến thức mới nhưng vẫn *phải đảm bảo đầy đủ tất cả các kiến thức cơ bản và kĩ năng phải rèn luyện cho HS.*

c) SGK *Địa lí 7* tập trung trình bày bản chất sự vật hiện tượng địa lí, ít khi mô tả hay giải thích vì phần đó dành cho GV chủ động thực hiện trên lớp sao cho phù hợp với đối tượng HS ở nhiều vùng địa lí khác nhau của đất nước. Nếu GV thực hiện đúng mức độ yêu cầu của SGK và SGV thì ở một số địa phương sẽ có khả năng "thừa giờ" trên lớp. Vì thế, GV cần lưu ý đến trường hợp

đó để chuẩn bị trong giáo án, khi cần thiết có thể mở rộng, nâng cao kiến thức hay rèn luyện kĩ năng ứng dụng vào cuộc sống... cho HS.

3. Những nội dung ghi trong giáo án

Đến đây, chúng ta đã hình dung được các nội dung chứa đựng trong một giáo án Địa lí 7 soạn theo phương hướng cải tiến :

a) Các mục tiêu về kiến thức và về kĩ năng của bài giảng

b) Các phương tiện dạy học bổ trợ cho việc học bài mới (thí dụ : bản đồ Tự nhiên thế giới dùng để phối hợp với bản đồ Phân bố dân cư thế giới và tháp tuổi địa phương dùng trong Bài 1 : Dân số) gồm cả những phương tiện dạy học dùng trong giờ giảng và dùng ngoài giờ giảng như băng hình hay một bài tham khảo trong sách, tạp chí... theo yêu cầu của GV.

c) Tiến trình tổ chức bài học trên lớp gồm có hai phần :

– Cột lớn bên trái : ghi chép tiến trình thực hiện các bước trên lớp cho từng đề mục, các phần giới thiệu bài mới, chuyển đoạn, chuyển ý, các câu hỏi dẫn dắt HS, các yêu cầu rèn luyện kĩ năng địa lí và trả lời câu hỏi, bài tập,...

– Cột nhỏ bên phải : ghi ngắn gọn các nội dung cần cho HS ghi chép vào vở, tương ứng với các bước đi sư phạm trên lớp. Các nội dung này phải là các kiến thức cơ bản nhất, được ghi ngắn gọn để dễ nhớ và nhớ lâu.

4. Những nội dung cần ghi trên bảng

SGK *Địa lí 7* còn được biên soạn để HS có thể tự học nên nội dung ghi chép trên bảng sẽ không nhiều. GV có thể chia bảng làm 2 phần :

– Phần ghi chép của GV về các nhận xét, các kết luận của HS khi tìm hiểu bài mới trên lớp hoặc với từng câu hỏi dẫn dắt của GV. Những kết luận nào là kiến thức cơ bản của bài, GV chuyển sang ghi ở phần dàn bài, trước khi xoá.

– Phần ghi chép dàn bài cho HS ghi vào vở (theo đúng các nội dung đã chuẩn bị trong giáo án của GV).

5. Những nội dung cần hướng dẫn HS ghi vào vở

Với phương pháp học chủ động dưới sự hướng dẫn của GV, nội dung ghi chép vào vở của HS gồm có :

– Dàn ý bài mới, theo GV ghi trên bảng.

– Những nội dung HS thấy cần thiết phải ghi lại khi GV giảng bài hay giải thích, mở rộng trên lớp.